

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2023

V/v “Ly hôn giữa ông Nguyễn Đình
L và bà Nguyễn Thị Kim H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quang Dương và ông Nguyễn Trịnh Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1977; nơi cư trú: phố Q, phường DL, thành phố TH tỉnh Thanh Hóa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn LK, xã TP, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại các phiên hòa giải thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Kim H quen nhau, đến năm 2003 thì tổ chức đám cưới tại TP. Sau đó ông bà cùng nhau vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc. Năm 2004, bà H về nhà bố mẹ đẻ của mình sinh con và ở lại sinh sống tại thôn LK, xã TP, huyện TP, tỉnh Quảng Trị. Ngày 15/12/2005 ông L quay trở về UBND xã TP để đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị Kim H. Năm 2008 thì bà H đi nước ngoài làm việc, đến năm 2014 bà H về nước, đến năm 2015 hai vợ chồng ông L và bà H đưa con ra tỉnh Quảng Ninh làm việc và sinh sống. Đến năm 2019, vợ chồng bất đồng quan điểm sống về nơi ở, ông L thì muốn sống ở quê là tỉnh Thanh Hóa, còn bà H thì muốn sống với bố, mẹ đẻ của mình ở tỉnh Quảng Trị nên vợ chồng ông, bà cứ cãi vã nhau về nơi sinh sống dẫn đến cuối năm 2019, bà H về lại Quảng Trị ở tại nhà bố mẹ đẻ cho đến bây giờ, còn ông L về Thanh Hóa sinh sống. Ông L và bà H là vợ chồng nhưng thời gian vợ chồng sống chung với nhau rất ít. Đã nhiều

lần ông L gọi bà H về quê ở Thanh Hóa để sống nhưng bà H không đồng ý. Từ đầu năm 2019 đến nay, vợ chồng ông, bà sống ly thân nhau, cả hai không thường xuyên liên lạc. Nay ông L thấy tình cảm của hai vợ chồng không còn, hai người không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy ông L xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim H.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yên V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2004, hiện nay cháu V đang sinh sống tại thành phố Hà Nội. Hiện cháu V đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/5/2023, quá trình hòa giải, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Bà H và ông Nguyễn Đình L tự nguyện yêu nhau, đến năm 2003 thì tổ chức đám cưới tại TP. Sau đó vợ chồng bà H vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc. Năm 2004 bà H về nhà bố mẹ đẻ của mình ở thôn LK, xã TP, huyện TP, tỉnh Quảng Trị để sinh con. Đến ngày 15 tháng 12 năm 2005, bà H ông L mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TP. Năm 2008 thì bà H đi xuất khẩu lao động tại Nga, đến năm 2014 thì về nước. Năm 2015 hai vợ chồng bà H đưa con ra tỉnh Quảng Ninh làm việc và sinh sống. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng bà H cũng do xuất phát từ vấn đề kinh tế khó khăn cho nên thỉnh thoảng vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau, nhưng bà H nghĩ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H chưa đến mức trầm trọng. Năm 2020 bà H đưa con gái là cháu Nguyễn Hoàng Yên V về lại quê để cháu đi học và mẹ con bà H sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ của bà H ở thôn LK, xã TP. Cũng do hoàn cảnh gia đình và do đặc thù công việc nên vợ chồng bà H không sống với nhau từ năm 2020, sau khi học xong cấp 3 thì con gái bà H ra học tại Hà Nội, vợ chồng bà H cũng không sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Hiện bà H sinh sống ở thôn LK, xã TP; còn anh L sinh sống ở phố Quý, phường ĐL, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tuy vợ chồng bà H không sống chung với nhau nữa nhưng bà H không muốn ly hôn mà bà H có nguyện vọng mong muốn vợ chồng được trở lại đoàn tụ để cùng nhau lo cho con cái và xây dựng cuộc sống gia đình. Nếu ông L vẫn kiên quyết ly hôn thì bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yên V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2004, hiện nay cháu V đang sinh sống tại thành phố Hà Nội. Hiện cháu V đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Các đương sự: Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, xử cho ông Nguyễn Đình L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H. Về con chung: có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2004, hiện nay cháu V đang sinh sống tại thành phố Hà Nội. Hiện cháu V đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Ông Nguyễn Đình L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình L khởi kiện yêu cầu Tòa án huyện Triệu Phong giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H. Ngày 17/5/2023, Tòa án thụ lý vụ án, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Ngày 17/7/2023, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông L và bà H. Ngày 01/8/2023, Tòa án nhận được đơn của ông L, theo đó ông L trình bày do yêu cầu công việc và ở xa nên ông xin được xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Đình L và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện yêu nhau, đến năm 2003 thì tổ chức đám cưới tại TP theo phong tục địa phương. Sau đó vợ chồng ông, bà vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc. Năm 2004 bà H về nhà bố mẹ đẻ của mình ở thôn LK, xã TP, huyện TP, tỉnh Quảng Trị để sinh con. Đến ngày 15 tháng 12 năm 2005 ông, bà mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TP. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn, năm 2008 thì bà H đi xuất khẩu lao động tại Nga, đến năm 2014 thì về nước. Năm 2015 hai vợ chồng đưa con ra tỉnh Quảng Ninh làm việc và sinh sống. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng cũng do xuất phát từ vấn đề kinh tế khó khăn cho nên thỉnh thoảng vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống về nơi ở, ông L thì muốn sống ở quê là tỉnh Thanh Hóa, còn bà H thì muốn sống với bố, mẹ đẻ của mình ở tỉnh Quảng Trị nên vợ chồng ông, bà cứ cãi vã nhau về nơi sinh sống dẫn đến cuối năm 2019, bà H đưa con gái là cháu Hoàng Yến V về lại Quảng Trị, hai mẹ con sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ của bà H ở thôn LK, xã TP. Kể từ thời điểm này vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong khoảng thời gian này, giữa hai người không liên lạc gì với nhau, tình cảm không còn cả hai không còn quan tâm nhau nữa.

Căn cứ qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông L và bà H tại UBND xã TP, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với lời trình bày của ông L và bà H. Qua đó Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của ông L và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho ông L được ly hôn với bà H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: 01 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2004, hiện nay cháu V đang sinh sống tại thành phố Hà Nội. Hiện cháu V đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Nguyễn Đình L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Đình L được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Về con chung: vợ chồng ông L, bà H có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2004, hiện nay cháu V đang sinh sống tại thành phố Hà Nội. Cháu V đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000435 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong (ông Nguyễn Đình L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Kim H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng trị xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKS huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS h. Triệu Phong;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Triệu Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Đăng Khoa

